TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/DS-PT
Ngày: 09 - 4 - 2019
Về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thế Phương;

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Thu Hương;

Ông Phạm Thành Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Đào Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2018/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2018 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2018/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 72/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Ông Văn Ngọc Đ, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

Nơi đăng ký thường trú: Xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T trình bày:

Do có quen biết nên ngày 27/8/2012 bà T có cho ông Văn Ngọc Đ vay số tiền 138.000.000đ theo "Hợp đồng cho vay theo thỏa thuận" lập ngày 27/8/2012, ông Đ thế chấp cho bà bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 895329 do UBND thị xã L cấp ngày 29/6/2007. Ông Đ không thanh toán tiền cho bà nên đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Đ thanh toán số tiền 138.000.000 đồng nợ gốc, không yêu cầu tính lãi.

Theo án sơ thẩm, bị đơn ông Văn Ngọc Đ trình bày:

Ông không thừa nhận có vay số tiền 138.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Phương T. Nội dung trong "Hợp đồng cho vay theo thỏa thuận" lập ngày 27/8/2012 không đúng, ông không thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình cho bà T để vay tiền. Ông đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2018/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã L đã căn cứ các Điều 471, 473, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T.

Buộc bị đơn ông Văn Ngọc Đ thanh toán số tiền 138.000.000 đồng cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Văn Ngọc Đ phải nộp 6.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Nguyễn Thị Phương T 3.450.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu tiền số 007839 ngày 05/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã L).

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Văn Ngọc Đ có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Phương T 5.100.000 đồng.

4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Kháng cáo:

Ngày 02/10/2018, bị đơn ông Văn Ngọc Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử bác toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Phần phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện việc thụ lý, phân công Thẩm phán làm chủ tọa giải quyết vụ án, đảm bảo quyền kháng cáo. Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về việc thu thập chứng cứ, việc cấp tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định. Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo đúng thành phần, vô tư, khách quan và không có trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng; đồng thời, thủ tục phiên tòa được thực hiện đầy đủ và đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo, kháng nghị: Qua các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và qua làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm, có đủ cơ sở xác định ông Đ có vay của bà T số tiền 138.000.000đ. Như vậy bản án sơ thẩm xét xử là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Bị đơn ông Văn Ngọc Đ làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T có đơn xin xét xử vắng mặt, theo quy định của pháp luật Tòa án vẫn tiến hành việc xét xử.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T yêu cầu bị đơn ông Văn Ngọc Đ phải trả số tiền vay 138.000.000đ, không yêu cầu tính lãi suất. Bị đơn ông Đ không đồng ý với yêu cầu của bà T vì cho rằng không có vay, không có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà T.

Hội đồng xét xử sơ thẩm đã nhận định:

Tài liệu, chứng cứ thu thập xác định bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền tiền 138.000.000 đồng thể hiện bằng "Hợp đồng cho vay theo thỏa thuận" lập ngày 27/8/2012 và một giấy có nội dung cam kết trả nợ lập ngày 13/11/2016 được nguyên đơn nộp ngày 23/01/2018 trong đó nội dung thể hiện:

"Bên A: Bên cho vay Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1959. CMND số 271.718.587. Cấp ngày 08/5/2008. Nơi cấp: Công an Đồng Nai...Bên B: Bên vay bà Hồ Thị Hồng D, sinh năm 1979..., ông Văn Ngọc Đ, sinh năm 1977. CMND số 271284290 cấp ngày 20/10/2000. Nơi cấp: Công an Đồng Nai...Bên A đồng ý cho bên B vay số tiền 138.000.000 đồng...ngày vay: từ ngày 27 tháng 8 năm 2012 đến ngày 27 tháng 8 năm 2013".

Bị đơn không thừa nhận có vay tiền nguyên đơn nhưng tại Kết luận giám định số 138/KLGĐ ngày 13/4/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng đã xác định: chữ ký và chữ viết trong "Hợp đồng cho vay theo thỏa thuận" lập ngày 27/8/2012 do ông Văn Ngọc Đ "viết và ký ra". Mặt khác, trong 03 tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp cho Tòa án ngày 23/01/2018, có 01 tài liệu, chứng cứ lập ngày 13/11/2016 mặt trước thể hiện nội dung bị đơn cam kết trả nợ cho nguyên đơn mỗi tháng 2.000.000 đồng trở lên, mặt sau có con dấu của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh cùng chữ ký của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa Đỗ Đình T1. Tại phiên tòa, bị đơn xác nhận tài liệu này là của mình được cấp tống đạt khi đại diện tham gia tố tụng cho nguyên đơn Lý Tùng C trong vụ án ở cấp Tòa án này và toàn bộ nội dung thể hiện trong tài liệu, chứng cứ này được giám định, kết luận do bị đơn "viết và ký ra".Như vậy, yêu cầu buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền trên là có căn cứ chấp nhận.

Như vậy, Cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán số tiền 138.000.000đ là có sự xem xét, đánh giá chính xác các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và áp dụng đúng quy định của pháp luật. Ông Văn Ngọc Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới liên quan đến việc không vay tiền của bà T hay đã thanh toán nợ vay cho bà T. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đ thừa nhận có vay tiền của bà T nhưng khoản vay còn nợ lại chỉ khoảng hai mươi mấy đến ba mươi triệu chứ không phải 138.000.000đ như bà T yêu cầu, nhưng ông Đ cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, nên ông Văn Ngọc Đ phải nộp 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Văn Ngọc Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các Điều 471, 473, 474, 476, 478 Bộ luật dân sự 2005; các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T.

Buộc bị đơn ông Văn Ngọc Đ thanh toán số tiền 138.000.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu đồng) cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Văn Ngọc Đ phải nộp 6.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm ông Đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 002886 ngày 17/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L, ông Đ đã nộp đủ án phí phúc thẩm, còn phải tiếp tục nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Phương T 3.450.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 007839 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Văn Ngọc Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Phương T 5.100.000đ (Năm triệu một trăm ngàn đồng).

4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Thành Dương **Phan Thị Thu Hương** **Vũ Thế Phương**

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thị xã L;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân thị xã L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thế Phương